TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 9 - 2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh.
2. Ông Lê Văn Mỳ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: tổ D, ấp C, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn N1, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: tổ D, ấp C, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Bùi Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N1 tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, cả hai không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung dẫn tới gia đình bất hòa, thường xuyên cãi vã. Ông N1 không chăm lo gia đình, thường xuyên về nhà kiếm chuyện, gây sự với bà, hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Bà và ông N1 đã ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bà xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông N1 có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 05/12/2007 và Võ Thị Ngọc M, sinh ngày 07/6/2012. Ly hôn, theo đơn khởi kiện bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Ngày 06/7/2023 bà thay đổi nội dung yêu cầu về nuôi con, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, bà đồng ý giao cháu T cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Võ Văn N1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông N1 trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 05/12/2007 và Võ Thị Ngọc M, sinh ngày 07/6/2012. Ly hôn, giao cháu T cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà N không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông N1 cư trú tại xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2007. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà N khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông N1 xảy ra từ năm 2020 đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không chăm lo cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả; hiện nay đã ly thân vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông N1 vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông N1 không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà N và ông N1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà N đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông N1 là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N, bà N được ly hôn với ông N1.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 05/12/2007 và Võ Thị Ngọc M, sinh ngày 07/6/2012. Hiện nay T đang sống chung với ông N1, cháu M đang sống chung với bà N. Ly hôn bà N xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, bà đồng ý giao cháu T cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N1 không cung cấp ý kiến về phần này. Nguyện vọng của cháu T cũng mong muốn sống chung với ông N1, nguyện vọng của cháu M mong muốn sống chung với bà N.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu T cho ông N1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà N, ông N1 được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà N khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị N khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị N, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Võ Văn N1.

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị N được ly hôn đối với ông Võ Văn N1.

- Về con chung: Giao cháu Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 05/12/2007 cho ông Võ Văn N1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Võ Thị Ngọc M cho bà Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà N và ông N1 được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005191 ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại